

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Ông Vũ Văn Thôn .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, trú quán: Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Văn T, trú quán: Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải

Phòng vào ngày 16 tháng 9 năm 2004. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, lo toan cho gia đình vợ, con hay cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị T và gia đình đã động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2015 cho đến nay, Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về chung sống với nhau được nên Chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T. Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là Vũ Thị Minh H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2006; Vũ Thị Minh P, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2008 và Vũ Khánh Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2013. Chị T đề nghị được nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung Chị T trình bày: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần đến tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Vũ Văn T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh Vũ Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Chị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho Chị T được ly hôn anh T; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Vũ Thị Minh H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2006; Vũ Thị Minh P, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2008 và Vũ Khánh Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2013 cho Chị T nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Chị T có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị T và bị đơn anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 9 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, cờ bạc nợ nần nhiều và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị T và gia đình đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2015, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của Chị T là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh T có 03 con chung là Vũ Thị Minh H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2006; Vũ Thị Minh P, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2008 và Vũ Khánh Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2013. Chị T đề nghị được nuôi cả 03 con không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào các tài liệu xác minh thấy Chị T hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con từ năm 2015 đến nay, anh T không quan tâm và không có trách nhiệm gì với các con của mình, các con Chị T và anh T đều trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với Chị T; Chị T hiện có việc làm, có thu nhập và có nơi ở ổn định đảm bảo việc nuôi con. Xét đề nghị của Chị T là hoàn toàn phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Thị Minh H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2006; Vũ Thị Minh P, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2008 và Vũ Khánh Đ, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017471 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)